|  |
| --- |
| **Tiết 84 ÔN TẬP** |

**I. Mục tiêu**

**1. Năng lực:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức

**2. Phẩm chất:** Nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

**II. Thiết bị và học liệu**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập, bảng kiểm đánh giá.

**III. Tiến trình dạy học**

**\* Nhiệm vụ 1: Thực hành phần Ôn tập** (Trang 16/SGK CTST, tập 2).

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

- HS trả lời nhanh các câu hỏi phần Ôn tập

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS hoạt động theo nhóm bàn trả lời các câu hỏi 1, 2, 3, 4, 5.

- HS hoạt động cá nhan trả lời các câu hỏi 6, 7, 8

**Bước 3: Báo cáo kết quả, thảo luận**

**HS báo cáo sản phẩm, thảo luận**

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

Đánh giá sản phẩm bằng điểm. GV chuẩn kiến thức.

**Câu 1: Tóm tắt các đặc điểm của thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khái niệm và đặc điểm** | **Thất ngôn bát cú luật Đường** | **Thơ thất ngôn tứ tuyệt luật Đường** |
| 1. Khái niệm | Là các thể thơ làm theo những nguyên tắc thi luật chặt chẽ được đặt ra từ đời Đường. | |
| 2. Số câu-số chữ | Mỗi bài có tám câu – mỗi câu có 7 chữ. | Mỗi bài có bốn câu – mỗi câu có 7 chữ. |
| 3. Bố cục | - Thường chia 4 phần:  + Đề (câu 1, 2): mở đầu và bắt đầu phát triển ý của bài thơ.  + Thực (câu 3, 4): triển khai ý của đề tài, miêu tả cụ thể về tình cảnh, sự việc)  + Luận (câu 5, 6): mở rộng, phát triển ý nghĩa vốn có hoặc đi sâu hơn vào tâm trạng, cảm xúc)  + Kết (câu 7, 8): thâu tóm ý nghĩa cả bài và kết ý.  - Có thể chia theo các cách khác: bốn câu đầu – bốn câu cuối, sáu câu đầu – hai câu cuối,... | - Thường chia 4 phần:  + Khai (câu 1): khai mở ý của bài thơ.  + Thừa (câu 2): thường làm rõ thêm ý hoặc mạch cảm xúc của phần “Khai”  + Chuyển (câu 3): chuyển ý  + Hợp (Câu 4): kết ý  - Có thể chia hai phần: câu 1 – 2 và câu 3 – 4 |
| 4. Luật thơ | - Luật bằng trắc thường được tóm tắt bằng câu: “nhất – tam – ngũ bất luận, nhị - tứ - lục phân minh” tức là các tiếng thứ nhất, thứ ba, thứ năm trong câu không cần sắp xếp theo đúng luật bằng, trắc; còn các tiếng thứ hai, thứ tư, thứ sáu trong câu cần thể hiện luật bằng/trắc rõ ràng.  - Nếu tiếng thứ hai ở câu một là tiếng thanh bằng (thanh ngang hoặc huyền) thì gọi là luật bằng. Nếu tiếng thứ hai ở câu một là tiếng thanh trắc (các thanh sắc, hỏi, ngã, nặng) thì gọi là luật trắc  Lưu ý: + Các thanh bằng, trắc phải đan xen nhau trong một câu đảm bảo sự hài hoà, cân bằng: ở chữ 2, 4, 6 trong mỗi cặp câu phải ngược nhau về thanh bằng, trắc… | |
| 5. Niêm | Hai câu thơ được niêm với nhau khi tiếng thứ hai của hai câu cùng theo một luật, hoặc cùng là bằng, hoặc cùng là trắc; như vậy, bằng niêm với bằng, trắc niêm với trắc. | |
| Câu 1 niêm với câu 8; câu 2 niêm với câu 3; câu 4 niêm với câu 5; câu 6 niêm với câu 7 và câu 8 lại niêm với câu 1. | Câu 1 niêm với câu 4; câu 2 niêm với câu 3. |
| 6. Vần | Bài thơ chỉ hiệp theo một vần (độc vận), vần gieo ở cuối câu thơ đầu và cuối các câu chẵn (vần chân), vần được sử dụng thường là vần bằng. | |
| 7. Nhịp | Thường là 2/2/3 hoặc 4/3 | |
| 8. Đối | Câu thứ 3 đối với câu thứ 4, câu thứ 5 đối với câu thứ 6. | Không có quy định đối cụ thể và khắt khe như thơ thất ngôn bát cú. |

**Câu 2**: Đọc lại các văn bản thông tin đã học trong bài và điền vào bảng:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Văn bản** | **Từ ngữ, hình ảnh** | **Mạch cảm xúc** | **Cảm hứng chủ đạo** |
| Nam quốc sơn hà | *Nam quốc, Nam đế, tiệt nhiên, thiên thư, nghịch lỗ,...* | Đi từ niềm tự hào dân tộc đến quyết tâm chiến thắng giặc ngoại xâm. | Tinh thần yêu nước, chống giặc ngoại xâm thể hiện qua việc khẳng định chủ quyền và quyết tâm bảo vệ lãnh thổ. |
| Qua Đèo Ngang | *Lom khom, lác đác, đau lòng, mỏi miệng, tình riêng,...* | Có sự vận động từ nỗi buồn giữa không gian hoang vắng đến tâm trạng nhớ nhà, nhớ nước, cô đơn, lẻ loi. | Nỗi buồn, nỗi cô đơn, lẻ loi của nhà thơ khi đứng trước khung cảnh hoang vắng, cô liêu của Đèo Ngang, chạnh lòng nhớ nhà nhớ nước của một thời quá vãng. |
| Chạy giặc | *Lơ xơ, dáo dác, tan bọt nước, nhuốm màu mây,...* | Có sự vận động từ sự bàng hoàng, thảng thốt khi nghe súng giặc và chứng kiến cảnh loạn lạc sang cảm xúc suy tư sâu lắng về vận mệnh dân tộc. | Sự đau đớn, xót thương cho cảnh chạy giặc của người dân và lòng mong mỏi những người có trách nhiệm đứng ra gánh vác trọng trách với nước nhà. |

**Câu 3: Nhận xét về bố cục, niêm, luật, vần, nhịp của bài thơ *Cảnh khuya* (Hồ Chí Minh)**

**\* Bố cục:** Bài thơ có thể xác định theo 2 bố cục:

**Cách 1:** Có thể chia bố cục bài thơ thành 2 phần:

++ khai (câu 1): giới thiệu âm thanh của đêm khuya (tiếng suối)

++ thừa (câu 2): bổ sung ý đã nhắc đến ở câu 1 (thêm hình ảnh đêm khuya – trăng) và giữ cảm xúc.

++ chuyển (câu 3): chuyển ý sang cảnh “người chưa ngủ”.

++ hợp (câu 4): Khẳng định tấm lòng lo cho dân, cho nước của Hồ Chí Minh.

**Cách 2:** Có thể chia bài thơ làm 2 phần;

++ Câu 1 – 2: tả khung cảnh thiên nhiên thơ mộng.

++ Câu 3 – 4: khắc họa hình ảnh con người ưu tư vì dân vì nước.

**\* Niêm:** Chữ thứ hai của câu 1 là “trắc” niêm với chữ thứ hai của câu 4 cũng là “trắc”, chữ thứ hai của câu 2 là “bằng” niêm với chữ thứ hai của câu 3 cũng là “bằng”.

**\* Luật:** Đây là bài thơ thất ngôn tứ tuyệt luật trắc vần bằng theo luật Đường.

**\* Vần:** chỉ hiệp theo một vần ở cuối các câu 1, 2, 4 *(xa – hoa – nhà)*

**\* Nhịp:** cách ngắt theo nhịp 3/4 ở câu đầu và nhịp 4/3 hoặc 2/2/3 ở các câu sau. Sự chuyển nhịp này góp phần tạo nét sinh động, duyên dáng cho bài thơ.

**\* Đối:** Thơ tứ tuyệt không có quy định đối cụ thể và khắt khe như thất ngôn bát cú.

**Câu 4:** Xác định biện pháp đảo ngữ và nêu tác dụng của biện pháp đó trong hai câu thơ của Hồ Xuân Hương:

Hai câu thơ xuất hiện biện pháp đảo ngữ ở cả trong cụm từ và trong câu thơ;

+ Ở cấp độ cụm từ, tác giả đã đảo vị trí của từ “rêu” lên trước “từng đám” và đảo từ “đá” lên trước “mấy hòn” (cách diễn đạt thông thường “từng đám rêu”. “mấy hòn đá”.

+ Ở cấp độ câu, tác giả đã đảo vị trí của vị ngữ (“xiên ngang mặt đất” và “đâm toạc chân mây”) lên trên chủ ngữ (“rêu” và “đá”). Cách diễn đạt thông thường trong trường hợp này là: *Từng đám rêu xiên ngang mặt đất/Mấy hòn đá đâm toạc chân mây.*

* Việc thay đổi vị trí này có tác dụng nhấn mạnh hình ảnh sự vật, làm cho cách diễn đạt thêm gợi cảm và giàu hình ảnh.

**Câu 5:** Câu hỏi trong đoạn thơ chính là câu hỏi tu từ, vì câu hỏi này không được dùng để hỏi, để tìm kiếm câu trả lời, mà để nhấn mạnh cảm xúc bồi hồi nhớ thương, tiếc nuối những hình ảnh đẹp của những con người đã qua, không còn gặp lại.

**Câu 6: HS suy nghĩ cá nhân**

Gợi ý: Khi viết bài văn kể lại một hoạt động xã hội có ý nghĩa tích cực đối với cộng đồng, em rút ra bài học:

- Cần đảm bảo tính trung thực của lời kể.

- Kết hợp nhiều yếu tố miêu tả và biểu cảm, đặc biệt là cảm nhận của bản thân để bài viết sinh động và chân thực hơn.

- Sử dụng ngôi kể nhất quán trong quá trình viết,...

**Câu 7: HS trả lời cá nhân.**

Gợi ý: Kinh nghiệm về cách nghe và tóm tắt bài thuyết trình:

- Tập trung nghe, nắm bắt thông tin chính; đặc biệt chú ý đến các từ có tác dụng nối giữa các phần; đầu tiên, sau đó,...hoặc thứ nhất, thứ hai,...

- Sử dụng các kí hiệu riêng để đánh dấu hệ thống các mục trong phần thuyết trình

- Trong quá trình nghe, vừa ghi vừa suy ngẫm, ghi chú luôn băn khoăn, thắc mắc, góp ý (nếu có)

**Câu 8: HS trả lời cá nhân:**

Gợi ý: Từ những gì đã học trong bài, em hiểu yêu Tổ quốc là yêu nguồn cội của mình; yêu mảnh đất, con người, lịch sử, văn hóa đã sản sinh, nuôi dưỡng mình và đồng bào mình. Yêu Tổ quốc là đấu tranh cho những điều tốt đẹp được gìn giữ và sinh sôi, loại bỏ những cái xấu đang kìm hãm đất nước phát triển. Yêu Tổ quốc chính là yêu những gì thuộc về mình.

**\* Nhiệm vụ 2: Viết**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên giao bài tập cho HS

**Bài tập:** *Hãy chọn một bài thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường mà em yêu thích và viết đoạn văn chia sẻ cảm nghĩ của em về bài thơ đó.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS đọc kĩ đề bài, lập dàn ý, về nhà hoàn thiện đoạn văn.

- GV hướng dẫn HS cách làm; quan sát và động viên.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

Tổ chức báo cáo sản phẩm vào tiết học thêm buổi chiều.

**Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét bài làm của HS.

**\*Nhiệm vụ 3: Lập bảng thống kê theo mẫu:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**: Giáo viên yêu cầu HS hoàn thành bảng sau (về nhà):

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên văn bản** | **Đặc sắc nội dung** | **Đặc sắc nghệ thuật** |
| ***Nam quốc sơn hà*** |  |  |
| ***Qua Đèo Ngang* (Bà Huyện Thanh Quan)** |  |  |
| ***Chạy giặc* (Tố Hữu)** |  |  |

- HS điền nội dung vào từng cột của phiếu học tập.

- Báo cáo sản phẩm.

- Nhận xét và chuẩn kiến thức.

**HOẠT ĐỘNG: VẬN DỤNG**

**1. Mục tiêu:**

HS hiểu được kiến thức trong bài học để vận dụng vào thực tế.

**2. Nội dung:**

HS làm việc cá nhân, đưa ra suy nghĩ, cảm nhận của bản thân về một vấn đề GV đặt ra.

**3**. **Sản phẩm:** Câu trả lời, sản phẩm học tập nhóm của HS.

**4. Tổ chứcthực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

*Em hãy tìm ví dụ về một bài thơ thất ngôn bát cú và tứ tuyệt luật Đường và chỉ ra các yếu tố của thể thơ sáu chữ hoặc bảy chữ trong bài thơ đó.*

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**

- HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành bài tập.

- GV khích lệ, giúp đỡ.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS báo cáo sản phẩm và thảo luận.

**Bước 4: Đánh giá, kết luận**

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, chất lượng sản phẩm học tập của các nhóm.

- Cho điểm hoặc phát thưởng.

**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**

1. Tìm hiểu thông tin về tác giả của các văn bản đã học: thu thập các nguồn tư liệu khác nhau như bài viết, ảnh, video,... Đọc thêm các tác phẩm của cùng tác giả.

2. Hệ thống hoá kiến thức bài học bằng sơ đồ tư duy.

**3. Chuẩn bị bài 7: *Yêu thương và hi vọng* (Truyện).**